

**CÔNG TY TNHH PEOPLE1 DIGITAL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PEOPLE1 DIGITAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0317623973

**3. Ngày thành lập:** 29/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

156 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0865329893

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>--(trừ đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610        |
| 2.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4633        |
| 3.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4634        |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>---(trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hoá lỏng lpg, dầu nhớt<br>cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và<br>tiền kim khí; trừ bán buôn hoá chất tại trụ sở; thực hiện theo<br>quyết định 64/2009/qđ-ubnd ngày 31/07/2009 và quyết định<br>79/2009/qđ-ubnd ngày 17/10/2009 của uỷ ban nhân dân thành<br>phố hồ chí minh về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản,<br>thực phẩm trên địa bàn thành phố hồ chí minh) | 4669        |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>-- Chi tiết: Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; tổ chức<br>sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng<br>chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các<br>chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)                                                                                                                                                                                                | 8230        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299        |
| 8.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>-- chi tiết: Đào tạo ngoại ngữ (trừ Dạy về tôn giáo; Các trường<br>của các tổ chức Đảng, đoàn thể)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8559        |
| 9.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>-- chi tiết: tư vấn giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8560        |
| 10. | Lập trình máy vi tính<br>Chi tiết : sản xuất phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6201(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6202 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6209 |
| 13. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6311 |
| 14. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6312 |
| 15. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6399 |
| 16. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>-- Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6619 |
| 17. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>--(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7020 |
| 18. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7310 |
| 19. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7320 |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7410 |
| 21. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>--Chi tiết: Hoạt động phiên dịch, biên dịch và dịch thuật.                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7490 |
| 22. | Cho thuê xe có động cơ<br>--Chi tiết: cho thuê xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7710 |
| 23. | Bán buôn tổng hợp<br>---(trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hoá lỏng lpg, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hoá chất tại trụ sở; thực hiện theo quyết định 64/2009/qđ-ubnd ngày 31/07/2009 và quyết định 79/2009/qđ-ubnd ngày 17/10/2009 của uỷ ban nhân dân thành phố hồ chí minh về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố hồ chí minh) | 4690 |
| 24. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1811 |
| 25. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1812 |
| 26. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1820 |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4932 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>-- Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5229 |
| 29. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>-- Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                | 5510 |
| 30. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5911 |
| 31. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5912 |
| 32. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>-Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video(trừ sản xuất phim, phát sóng)                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5913 |

|     |                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>-Chi tiết: Hoạt động ghi âm                                                                                                                                       | 5920 |
| 34. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ cho thuê lại lao động) | 7810 |
| 35. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                | 7820 |
| 36. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>-- Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)                                                                              | 7830 |
| 37. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                     | 7912 |
| 38. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp<br>Chi tiết: Photo chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                              | 8110 |
| 39. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                     | 8211 |
| 40. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>-Chi tiết: photo, chuẩn bị tài liệu                                                                                           | 8219 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ BA  | Việt Nam  | 97/35 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | 20.000.000            | 1,000     | 030190023341                                                                                            |         |
| 2   | LÊ THANH HẢI   | Việt Nam  | 16 / 49 Đào Tấn, Phường Phước Vĩnh, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam | 1.800.000.000         | 90,000    | 045070003714                                                                                            |         |
| 3   | LÊ THANH HÙNG  | Việt Nam  | Khu phố 1, Phường Xuân Trung, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam      | 180.000.000           | 9,000     | 075091010729                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THANH HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/11/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 045070003714

Ngày cấp: 28/06/2021

Nơi cấp: CTCCS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 16 / 49 Đào Tấn, Phường Phước Vĩnh, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 16 / 49 Đào Tấn, Phường Phước Vĩnh, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh